

18
ỦY BAN NHÂN DÂN
Thành phố Hải Phòng

Số: 94 / QĐ-UB.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM RŨ
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 01 năm 1995.

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế làm việc của UBND thành phố Hải Phòng
nhiệm kỳ 1994 - 1999 (Khoa 11).

-- oOo --

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân;
- Căn cứ Nghị định số 13/CP ngày 01 tháng 12 năm 1992 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ; Chỉ thị số 40/TTg ngày 29 tháng 10 năm 1992 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số điểm trong quan hệ làm việc giữa các đồng chí phụ trách bộ máy hành chính các cấp;
- Căn cứ biên bản phiên họp thứ nhất của Ủy ban Nhân dân thành phố (Khóa 11) ngày 22 tháng 12 năm 1994;

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU I.- Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế làm việc của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng nhiệm kỳ 1994 - 1999 (Khoa 11).

ĐIỀU II.- Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành và thay thế các văn bản trước đây của Ủy ban Nhân dân thành phố về Quy chế làm việc của Ủy ban Nhân dân thành phố.

ĐIỀU III.- Các cấp chính quyền, các ngành trực thuộc Ủy ban Nhân dân thành phố căn cứ Quy chế này để xây dựng mới hoặc sửa đổi quy chế làm việc của ngành, địa phương cho phù hợp.

ĐIỀU IV.- Các thành viên Ủy ban Nhân dân thành phố, Thủ trưởng các cơ quan của Thành phố, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân quận, huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành bản Quy chế này./.

Nơi nhận:

- VP CP, VP QH, Ban TCCB CP.
- TT TU, TT HĐND TP.
- Như điều 4.
- MTTQ, các đoàn thể Báo HP, Đài PTTH.
- CPVP, Tổ CV, Phòng tiếp dân.
- Lưu VP.

T/M UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CHỦ TỊCH



Đào An

Hải Phòng, ngày 24 tháng 01 năm 1995.

QUY CHẾ LÀM VIỆC

CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG Nhiệm kỳ 1995 - 1999 (Khóa 11).

(Ban hành kèm theo Quyết định số 94/QĐ-UB ngày 24 tháng 01 năm 1995
của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng).

--- #O# ---

CHƯƠNG I

Nhiệm vụ quyền hạn của Ủy ban Nhân dân thành phố.

Điều 1.

Ủy ban Nhân dân thành phố là cơ quan chấp hành của Hội đồng Nhân dân thành phố, là cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương chịu trách nhiệm chấp hành Hiến pháp, Luật, các văn bản dưới Luật và các nghị quyết của Hội đồng Nhân dân thành phố.

- Ủy ban Nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại chương IX của Hiến pháp năm 1992 Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân (sửa đổi) và các quy định của Chính phủ; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Chính phủ và Hội đồng Nhân dân thành phố. Tổ chức chỉ đạo thực hiện các quyết định, chỉ thị, nghị quyết của Thành ủy Hải Phòng.

- Ủy ban Nhân dân thành phố ra các quyết định, chỉ thị và các văn bản hành chính trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn do luật định, trực tiếp chỉ đạo các ngành chuyên môn trực thuộc, các Ủy ban Nhân dân quận, huyện, thị xã thực hiện và tổ chức kiểm tra việc thi hành các văn bản đó.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Nhân dân thành phố trong việc thực hiện quản lý Nhà nước là:

1 - Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; phát huy tiềm năng các thành phần kinh tế, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của đơn

vị kinh tế theo pháp luật nhằm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường.

2 - Tổ chức tuyên truyền giáo dục pháp luật, kiểm tra việc chấp hành Hiến pháp, luật, các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng Nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố.

3 - Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang và xây dựng quốc phòng toàn dân; thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự, nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, nhiệm vụ động viên, chính sách hậu phương quân đội và chính sách đối với các lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương; quản lý địa giới hành chính ở địa phương; quản lý hộ khẩu, hộ tịch; quản lý việc cư trú, đi lại của người nước ngoài ở thành phố.

4 - Phòng chống thiên tai, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân; bảo vệ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân; chống tham nhũng buôn lậu, làm hàng giả và các tệ nạn xã hội khác.

5 - Quản lý công tác tổ chức, biên chế, lao động tiền lương, đào tạo đội ngũ viên chức Nhà nước và cán bộ cấp xã; tổ chức bảo hiểm xã hội theo sự phân cấp của Chính phủ; của Ban Thường vụ Thành ủy.

6 - Tổ chức và chỉ đạo công tác thi hành án ở địa phương theo quy định của pháp luật.

7 - Tổ chức, thực hiện việc thu chi ngân sách của thành phố theo quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan hữu quan để bảo đảm thu đúng, thu đủ, kịp thời các loại thuế và các khoản thu khác ở địa phương.

- Trong hoạt động của mình, Ủy ban Nhân dân thành phố phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác chăm lo và bảo vệ lợi ích của nhân dân; vận động nhân dân tham gia vào việc quản lý Nhà nước và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

CHƯƠNG II

Chế độ làm việc của Ủy ban Nhân dân thành phố.

Điều 2.

a. - Ủy ban Nhân dân thành phố tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ; mỗi tháng họp ít nhất một lần.

Ủy ban Nhân dân thành phố thảo luận và quyết định theo đa số những vấn đề sau :

- Chương trình làm việc của Ủy ban Nhân dân;
- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách hàng năm và quỹ dự trữ của địa phương để trình Hội đồng Nhân dân thành phố;
- Các biện pháp thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Nhân dân thành phố về kinh tế - xã hội; thông qua các báo cáo của Ủy ban Nhân dân thành phố trước Hội đồng Nhân dân thành phố; các đề án của Ủy ban Nhân dân thành phố trình tại hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy, Thành ủy;
- Đề án thành lập mới, sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân và việc phân vạch, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính ở địa phương;
- Xem xét kỷ luật đối với thành viên Ủy ban Nhân dân; kết luận các vụ khiếu tố lớn; các vụ khiếu tố có liên quan đến cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban Nhân dân thành phố.

b. - Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố hội ý hàng tuần để kiểm điểm công tác điều hành; bàn trước những vấn đề lớn cần đưa ra hội nghị toàn thể Ủy ban. Trong trường hợp cấp thiết, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch có thể bàn và quyết định nội dung nói ở điểm 1, điều 2 bản Quy chế này, nhưng phải thông báo ngay việc đó cho các thành viên của Ủy ban biết. Trường hợp việc được bàn và quyết định đó thuộc phần trách nhiệm của ủy viên Ủy ban phụ trách, thì cần có ý kiến của ủy viên đó trước khi quyết định.

Điều 3 . Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố:

- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố là người lãnh đạo và điều hành công việc của Ủy ban Nhân dân thành phố, cùng với tập thể Ủy ban Nhân dân thành phố chịu trách nhiệm về hoạt động của Ủy ban Nhân dân trước Thành ủy, Hội đồng Nhân dân thành phố và các cơ quan Nhà nước cấp trên.

- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố chịu trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1 - Lãnh đạo công tác của Ủy ban Nhân dân, các thành viên của Ủy ban Nhân dân, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban Nhân dân thành phố:

a./ Đôn đốc, kiểm tra công tác của các cấp, các ngành thuộc thành phố trong việc thực hiện Hiến pháp, luật, các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Thành

ủy, của Hội đồng Nhân dân thành phố và các quyết định, chỉ thị của Hội đồng Nhân dân thành phố.

b./ Quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ quyền hạn của Ủy ban Nhân dân thành phố, trừ các vấn đề thuộc quyền quyết định của toàn thể Ủy ban Nhân dân thành phố nói tại điểm 1 điều 2 quy định này.

c./ Áp dụng các biện pháp nhằm cải tiến lề lối làm việc; quản lý và điều hành bộ máy hành chính hoạt động có hiệu quả; ngăn ngừa và kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện quan liêu, vô trách nhiệm, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác trong cơ quan, cán bộ, viên chức Nhà nước và trong bộ máy chính quyền các cấp thuộc thành phố.

d./ Tổ chức việc tiếp dân; xét và giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của nhân dân theo quy định của pháp luật.

2 - Triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Ủy ban Nhân dân thành phố.

3 - Phê chuẩn kết quả bầu các thành viên của Ủy ban Nhân dân quận, huyện, thị xã; điều động, miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân quận, huyện, thị xã; phê chuẩn việc miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên khác của Ủy ban Nhân dân quận, huyện, thị xã; bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức, khen thưởng, kỷ luật cán bộ viên chức Nhà nước theo quy chế về sự phân cấp quản lý cán bộ.

4 - Đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ những văn bản sai trái của cơ quan chuyên môn thuộc thành phố và những văn bản sai trái của Ủy ban Nhân dân, chủ tịch Ủy ban Nhân dân các quận, huyện, thị xã, phường, xã, thị trấn.

5 - Đình chỉ việc thi hành nghị quyết sai trái của Hội đồng Nhân dân quận, huyện, thị xã và đề nghị Hội đồng Nhân dân thành phố bãi bỏ.

Điều 4.

- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố phân công công tác cho phó chủ tịch thường trực, các phó chủ tịch và các thành viên khác của Ủy ban Nhân dân thành phố; người được phân công phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban Nhân dân.

M - Phó chủ tịch thường trực thay mặt chủ tịch điều hành công việc của Ủy ban trong thời gian chủ tịch vắng.

M - Trong phạm vi được phân công, phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố có trách nhiệm và có quyền : thay mặt Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tổ chức chỉ đạo điều hành hoạt động của khối mình phụ trách. Kiểm tra đôn đốc các ngành, các địa phương trong việc tổ

chức thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách; cả những lĩnh vực tổng hợp có liên quan đến lĩnh vực mình phụ trách. Đối với những vấn đề đã có quyết định chung của Ủy ban Nhân dân, của Chủ tịch, trong phạm vi kế hoạch và ngân sách Nhà nước đã được duyệt, thuộc thẩm quyền của chủ tịch, thì phó chủ tịch thay mặt và chịu trách nhiệm trước chủ tịch trực tiếp giải quyết, xem đó là quyết định của chủ tịch.

Đối với những vấn đề mới phát sinh thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban Nhân dân, của chủ tịch mà chưa có quyết định của Ủy ban Nhân dân, của chủ tịch, thì phó chủ tịch xin ý kiến chủ tịch trước khi quyết định.

Khi phó chủ tịch xử lý công việc có vấn đề liên quan đến lĩnh vực phó chủ tịch khác phụ trách, thì cần chủ động phối hợp bàn bạc để thống nhất cách giải quyết; trường hợp không nhất trí thì báo cáo chủ tịch quyết định.

- Chủ tịch chịu trách nhiệm về các quyết định của phó chủ tịch liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ được chủ tịch phân công.

Điều 5 .

Các thành viên khác của Ủy ban Nhân dân thành phố : mỗi thành viên của Ủy ban Nhân dân thành phố chịu trách nhiệm cá nhân về phần công tác được phân công, và cùng các thành viên Ủy ban Nhân dân thành phố chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban Nhân dân thành phố trước Hội đồng Nhân dân thành phố và trước các cơ quan Nhà nước cấp trên; cụ thể là:

1 - Chịu trách nhiệm và có thẩm quyền thay mặt Ủy ban Nhân dân thành phố trong việc tổ chức chỉ đạo giải quyết các vấn đề thuộc chức năng quản lý ngành, lĩnh vực phụ trách theo pháp luật, chủ trương chính sách, chế độ của Nhà nước và của thành phố.

2 - Xem xét để trình Ủy ban Nhân dân thành phố, chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố giải quyết các đề nghị của các ngành, các đoàn thể, các địa phương về những vấn đề thuộc chức năng quản lý ngành, lĩnh vực công tác mình phụ trách, nhưng vượt quá thẩm quyền.

3 - Tham gia giải quyết các việc thuộc tập thể Ủy ban Nhân dân thành phố; thực hiện các nhiệm vụ được chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố ủy nhiệm.

4 - Tham gia ý kiến với các thành viên khác của Ủy ban Nhân dân thành phố, thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban Nhân dân thành phố để xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền của thành viên đó, nhưng có liên quan đến chức năng của mình.

5 - Các thành viên Ủy ban Nhân dân thành phố có trách nhiệm báo cáo kết quả công tác thuộc trách nhiệm được phân công tại các cuộc họp thường kỳ hàng tháng của Ủy ban Nhân dân thành phố; đề xuất những vấn đề Ủy ban cần tập trung chỉ đạo trong từng thời gian.

6 - Thành viên Ủy ban Nhân dân thành phố phụ trách ngành và thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Ủy ban Nhân dân thành phố chịu trách nhiệm trước chủ tịch về công việc của cơ quan mình; nếu phân công hoặc ủy nhiệm cho người phó giúp giải quyết công việc nào thì vẫn phải chịu trách nhiệm về việc làm của người mà mình đã phân công hoặc ủy nhiệm.

CHƯƠNG III

Các mối quan hệ của Ủy ban Nhân dân thành phố.

Điều 6 . Với Chính phủ và các cơ quan Nhà nước cấp trên:

M Các thành viên Ủy ban Nhân dân thành phố có trách nhiệm nghiên cứu kỹ các chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ, các bộ ngành Trung ương; có kế hoạch tổ chức triển khai; đôn đốc kiểm tra việc thực hiện, báo cáo kết quả với cấp trên theo quy định; đề xuất với cấp trên giải quyết những vấn đề thuộc chính sách, chế độ, cơ chế quản lý cho phù hợp với tình hình của địa phương.

Điều 7 . Với Thành ủy:

N Ủy ban Nhân dân thành phố có trách nhiệm quán triệt và chỉ đạo triển khai các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Ban Thường vụ Thành ủy, Thành ủy, Thường trực Thành ủy (dưới đây gọi tắt là Thành ủy). Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của Ủy ban phối hợp với các ban của Thành ủy trong việc chuẩn bị các đề án cụ thể để Thành ủy bàn và quyết định, theo sự phân công của Thành ủy.

V Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố có trách nhiệm thực hiện chế độ giao ban hàng tuần Thường trực Thành ủy (gồm Bí thư Thành ủy, phó Bí thư Thường trực, và phó Bí thư phụ trách chính quyền) nhằm thống nhất chủ trương giữa cấp ủy và chính quyền trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở địa phương; bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy chức năng quản lý Nhà nước của chính quyền.

Điều 8 . Với Hội đồng Nhân dân thành phố:

Ủy ban Nhân dân thành phố có trách nhiệm tăng cường mối quan hệ phối hợp với Thường trực Hội đồng Nhân dân thành phố, mời đại diện Thường trực Hội đồng Nhân dân thành phố tham dự các cuộc họp toàn thể của Ủy ban Nhân dân thành phố; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo phối hợp với Thường trực Hội đồng Nhân dân và các ban của Hội đồng trong việc chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Hội đồng Nhân dân; bảo đảm triển khai các nghị quyết của Hội đồng Nhân dân, các quyết định của cơ quan Nhà nước cấp trên, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng Nhân dân.

Ủy ban Nhân dân thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền chuẩn bị các đề án trình bày tại các kỳ họp của Hội đồng Nhân dân; các văn bản này cần được thảo luận nhất trí trong tập thể Ủy ban trước khi trình tại kỳ họp.

Các thành viên của Ủy ban Nhân dân thành phố với nhiệm vụ và quyền hạn được giao, có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho đại biểu Hội đồng Nhân dân thành phố tiến hành các hoạt động của đại biểu theo Luật định.

Chủ tịch và các thành viên của Ủy ban Nhân dân thành phố, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn của Ủy ban phải thực hiện nghiêm túc việc trả lời chất vấn của các Ban và đại biểu Hội đồng Nhân dân thành phố.

Điều 9 . Với Đoàn đại biểu Quốc hội Hải Phòng :

Ủy ban Nhân dân thành phố cung cấp các quyết định, chỉ thị và các báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương cho các đại biểu Quốc hội, có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện hoạt động cho đoàn đại biểu Quốc hội Hải Phòng.

Điều 10 . Với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân thành phố, các Ủy ban Nhân dân quận, huyện, thị xã:

✓ Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân thành phố giúp Ủy ban Nhân dân thực hiện chức năng quản lý Nhà nước ở địa phương và bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành hoặc lĩnh vực công tác từ trung ương đến cơ sở.

✓ Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân thành phố chịu sự quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban Nhân dân thành phố đồng thời chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn cấp trên.

10 - Thủ trưởng cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp Ủy ban Nhân dân thành phố trong việc hướng dẫn, kiểm tra các cấp, các ngành, các đơn vị trong việc thi hành các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước, của thành phố thuộc lĩnh vực ngành mình phụ trách trên phạm vi toàn thành phố.

- Thủ trưởng ngành có quyền kiến nghị với thủ trưởng ngành khác, với chủ tịch Ủy ban Nhân dân quận, huyện, thị xã đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ những quy định do ngành, Ủy ban Nhân dân quận, huyện, thị xã ban hành trái với các văn bản của Nhà nước thuộc lĩnh vực ngành mình phụ trách; nếu người nhận kiến nghị không nhất trí thì người kiến nghị phải báo cáo chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố quyết định.

- Thủ trưởng ngành có quyền kiến nghị với chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố đình chỉ việc thi hành nghị quyết của Hội đồng Nhân dân quận, huyện, thị xã; phường, xã, thị trấn trái với các văn bản pháp luật của Nhà nước, thuộc lĩnh vực ngành phụ trách.

- Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn có trách nhiệm cùng phối hợp để chuẩn bị các đề án trình Thành ủy, Hội đồng Nhân dân thành phố quyết định; cùng phối hợp ra các văn bản liên ngành để hướng dẫn thống nhất thực hiện các vấn đề có liên quan thuộc chức năng quản lý Nhà nước.

- Thủ trưởng cơ quan chuyên môn chịu trách nhiệm và báo cáo định kỳ trước Ủy ban Nhân dân thành phố và cơ quan chuyên môn cấp trên. Khi có vấn đề đột xuất quan trọng xảy ra trong ngành (địa phương) các ngành, các địa phương phải báo cáo kịp thời với chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố bằng phương tiện nhanh nhất.

- Sáu tháng một lần, chủ tịch (phó chủ tịch) họp với lãnh đạo các ngành theo sự phân công phụ trách khối; ít nhất mỗi năm một lần, chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố họp với chủ tịch Ủy ban Nhân dân quận, huyện, thị xã để kiểm điểm việc thực hiện chủ trương chính sách của Nhà nước và thành phố để ban hành; hướng dẫn việc tổ chức thi hành các chủ trương, chính sách mới.

- Những vấn đề có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công của các phó chủ tịch sẽ có quy định riêng (nhân sự, ngân sách,...).

Điều 11 . Với Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các thành viên của Mặt trận:

Trong hoạt động của mình, Ủy ban Nhân dân thành phố phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận tổ quốc thành phố và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong việc chăm lo và bảo vệ lợi ích của nhân dân, vận động nhân dân tham gia vào việc quản lý Nhà nước và thực hiện các nghĩa vụ của công dân đối với Nhà nước.

Ủy ban Nhân dân thành phố tạo điều kiện thuận lợi để Ủy ban Mặt trận tổ quốc thành phố và các đoàn thể nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân; giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ viên chức Nhà nước.

Ủy ban Nhân dân thành phố thực hiện chế độ thông báo tình hình của thành phố cho Ủy ban Mặt trận tổ quốc thành phố và các đoàn thể (qua báo cáo định kỳ). Các thành viên của Ủy ban Nhân dân thành phố có trách nhiệm nghiên cứu giải quyết và trả lời các kiến nghị của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Khi chuẩn bị ban hành các quyết định nhằm triển khai các chế độ chính sách có liên quan mật thiết đến dân sinh, dân chủ; Ủy ban Nhân dân thành phố tổ chức tham khảo ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể có liên quan; mời đại diện Mặt trận và các đoàn thể tham gia vào các hoạt động thanh tra, kiểm tra, các hội đồng tư vấn.

Chính quyền bảo đảm cấp kinh phí sự nghiệp thường xuyên và tạo điều kiện vật chất cần thiết cho hoạt động của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo quy định của Đảng và Nhà nước.

CHƯƠNG IV

Quy định về các mặt công tác cụ thể.

Điều 12 . Lập chương trình công tác của Ủy ban Nhân dân thành phố:

Căn cứ chủ trương chính sách của Nhà nước, nghị quyết của Thành ủy, của Hội đồng Nhân dân thành phố, Ủy ban Nhân dân thành phố thảo luận và quyết định chương trình công tác năm.

Căn cứ chương trình công tác năm được Ủy ban thông qua, chủ tịch xác định chương trình 6 tháng, 3 tháng và từng tháng.

Điều 13 . Chuẩn bị đề án:

Trong chương trình công tác, đối với từng vấn đề cần có dự thảo đề án để thảo luận và quyết định, Ủy ban Nhân dân thành phố phân công cơ quan chủ trì chuẩn bị, cơ quan phối hợp, cơ quan thẩm tra và thời hạn hoàn thành đề án.

- Khi xây dựng đề án, chủ đề án phải kết hợp với các ngành, địa phương có liên quan tham gia ý kiến vào nội dung dự thảo. Sau khi hoàn chỉnh dự thảo, cơ quan chủ đề án gửi tới Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố để trình chủ tịch (phó Chủ tịch) đưa vào chương trình làm việc của Ủy ban Nhân dân thành phố.

- Các đề án đưa ra họp Ủy ban Nhân dân thành phố, Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố phải gửi trước đến các thành viên Ủy ban và ngành liên quan được mời dự họp trước ít nhất 5 ngày (trừ trường hợp bất thường).

Điều 14 . Phiên họp của Ủy ban Nhân dân thành phố:

1 - Phiên họp thường lệ gồm toàn thể các thành viên Ủy ban Nhân dân thành phố tiến hành mỗi tháng một lần vào những ngày đầu tháng, để kiểm điểm công tác chỉ đạo điều hành của Ủy ban Nhân dân thành phố, hoặc thông qua các đề án lớn. Căn cứ tình hình chủ tịch triệu tập phiên họp bất thường, hoặc theo yêu cầu của 1/3 tổng số thành viên Ủy ban Nhân dân thành phố. Ngày họp và chương trình làm việc của phiên họp do chủ tịch ấn định.

2 - Phiên họp của Ủy ban Nhân dân thành phố họp lệ khi có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Ủy ban. Các quyết định của Ủy ban Nhân dân thành phố phải được quá nửa tổng số thành viên của Ủy ban biểu quyết tán thành.

3 - Các thành viên của Ủy ban Nhân dân thành phố tham dự đầy đủ các phiên họp của Ủy ban; nếu vắng mặt phiên họp phải được chủ tịch đồng ý. Chủ tịch có thể cho phép thành viên vắng được ủy nhiệm một người trong số cấp phó dự họp; người phó dự họp nếu được phát biểu, không được trái với ý kiến của người đã ủy nhiệm.

4 - Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố mời chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc thành phố và những người đứng đầu các đoàn thể ở thành phố dự các phiên họp của Ủy ban Nhân dân thành phố khi bàn các vấn đề có liên quan.

5 - Thủ trưởng các ngành, chủ tịch Ủy ban Nhân dân quận, huyện, thị xã được mời dự phiên họp của Ủy ban Nhân dân thành phố khi cần thiết.

6 - Những người tham dự phiên họp không phải là thành viên Ủy ban Nhân dân thành phố được phát biểu ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

7 - Đối với một số vấn đề nội dung không phức tạp, không cần thiết phải thảo luận tại phiên họp của Ủy ban, thì theo chỉ thị của chủ tịch, chánh văn phòng Ủy ban gửi dự thảo văn bản để lấy ý kiến từng thành viên Ủy ban; nếu được đa số thành viên tán thành, thì Văn phòng Ủy ban trình chủ tịch ký và thông báo cho các thành viên Ủy ban biết.

Điều 15 . Ban hành và công bố các văn bản của Ủy ban Nhân dân thành phố:

1 - Mọi trường hợp Ủy ban Nhân dân thành phố giải quyết công việc đối với tổ chức và công dân đều được thể hiện bằng văn bản theo thể thức Nhà nước quy định:

- Quyết định : để ban hành các chủ trương biện pháp cụ thể thực hiện luật pháp Nhà nước, chủ trương, chính sách, quy định của Nhà nước, của Thành ủy, Hội đồng Nhân dân thành phố; quyết định về tổ chức và nhân sự thuộc thẩm quyền, để tổ chức thực hiện và kiểm tra, thanh tra đối với các cơ quan, tổ chức trong việc chấp hành luật pháp của Nhà nước (kể cả cơ quan, tổ chức của trung ương đóng tại địa phương); và những vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban Nhân dân thành phố đã được pháp luật quy định.

- Chỉ thị : để truyền đạt và chỉ đạo thực hiện các chủ trương chính sách của trung ương, của Thành ủy, các nghị quyết của Hội đồng Nhân dân và quyết định của Ủy ban Nhân dân thành phố trong trường hợp không cần thiết ban hành quyết định; để giao trách nhiệm cho cơ quan hành chính cấp dưới thực hiện chủ trương công tác.

- Nghị quyết liên tịch : sử dụng trong hội nghị giữa Ủy ban Nhân dân thành phố với Mặt trận tổ quốc; các đoàn thể, các tổ chức xã hội, các ngành TW.

- Ngoài các hình thức văn bản trên, Ủy ban Nhân dân thành phố ban hành : - Thông báo : để thông tin hoạt động của Ủy ban Nhân dân thành phố, thông tin nhanh những chủ trương công tác, kết quả các cuộc họp của Ủy ban Nhân dân thành phố.

- Công văn hành chính, công thư, điện báo : để giải quyết công việc giữa Ủy ban Nhân dân thành phố với các tổ chức và công dân, đơn đốc nhắc nhở việc thực hiện các quyết định của cấp trên.

2 - Các văn bản của Ủy ban Nhân dân thành phố do Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố chịu trách nhiệm ban hành theo đúng quy chế ban hành văn bản hành chính Nhà nước quy định, trình chủ tịch (phó chủ tịch) Ủy ban Nhân dân thành phố duyệt.

- Các văn bản của Ủy ban Nhân dân thành phố ban hành do các ngành chuẩn bị cũng phải thực hiện đúng trình tự gửi chánh (phó) Văn phòng kiểm tra về thể thức, nội dung văn bản; phát hiện các vấn đề trùng lặp, chồng chéo, sửa chữa những điểm không phù hợp luật pháp; rồi ký tắt, trước khi trình chủ tịch (phó chủ tịch) ký.

- Các văn bản của tổ chức và công dân gửi đến Ủy ban Nhân dân thành phố đề nghị giải quyết công việc, sau khi được chủ tịch (phó chủ tịch) xem xét và có ý kiến giải quyết ghi vào lề văn bản đề nghị; văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố có trách nhiệm thể hiện ý kiến giải quyết của chủ tịch (phó chủ tịch) bằng văn bản của Ủy ban Nhân dân thành phố để tổ chức và công dân thực hiện.

Trường hợp chủ tịch (phó chủ tịch) ghi ý kiến vào lề văn bản đề nghị của tổ chức và công dân để chuyển đến các ngành chức năng tham gia ý kiến, Văn phòng có trách nhiệm lưu một bản và giúp chủ tịch (phó chủ tịch) theo dõi việc thực hiện.

- Các trường hợp cần bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một phần hoặc toàn bộ văn bản pháp quy, thì phải sử dụng văn bản pháp quy tương ứng (quyết định, chỉ thị, nghị quyết).

3 - Các cuộc họp toàn thể Ủy ban; các cuộc họp do chủ tịch (phó chủ tịch) chủ trì để giải quyết công việc đều được ghi biên bản, lưu trữ tại Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố.

- Sau khi các vấn đề đã được kết luận tại hội nghị Ủy ban, tùy nội dung công việc, chậm nhất 5 ngày Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố có trách nhiệm ban hành văn bản thích hợp (quyết định, chỉ thị, thông báo); kịp thời gửi tới các thành viên Ủy ban, các cấp các ngành liên quan để thực hiện, gửi tới các đoàn thể để kết hợp, gửi tới các cơ quan Đài, Báo Hải Phòng để thông tin tới nhân dân những nội dung cần thiết.

Trong trường hợp sau hội nghị cần có sự trao đổi giữa các ngành liên quan để thống nhất nội dung hướng dẫn thực hiện, thời hạn ban hành văn bản chậm nhất không quá 15 ngày.

Điều 16 . Thẩm quyền ký các văn bản:

1 - Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố ký vào các văn bản sau:

- Các báo cáo, đề án của Ủy ban Nhân dân thành phố gửi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội.

- Các quyết định, chỉ thị của Ủy ban Nhân dân thành phố nhằm triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Chính phủ và các ngành Trung ương có liên quan đến nhiều lĩnh vực hoạt động của thành phố; các quyết định về tổ chức bộ máy, nhân sự, khen thưởng, kỷ luật thuộc thẩm quyền Ủy ban Nhân dân thành phố quyết định.

2 - Các phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố ký thay chủ tịch:

- Chỉ thị để chỉ đạo, đôn đốc hoặc điều hòa phối hợp nhằm bảo đảm thi hành các quyết định của Ủy ban Nhân dân thành phố về các vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách, đã được chủ tịch ký ban hành.

- Chỉ thị hoặc công văn để giao nhiệm vụ cho các ngành thuộc lĩnh vực phụ trách chuẩn bị các văn bản, đề án trình Thành ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân thành phố.

- Quyết định hoặc công văn giải quyết các vấn đề cụ thể vượt quá thẩm quyền của thủ trưởng các ngành, chủ tịch Ủy ban Nhân dân quận, huyện, thị xã, thuộc lĩnh vực phụ trách, và không do chủ tịch ký.

- Khi có sự ủy nhiệm của chủ tịch, ký từ trình lên các cơ quan Nhà nước cấp trên, Thành ủy, Hội đồng Nhân dân thành phố về các vấn đề thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách.

3 - Ký duyệt chi ngân sách: chủ tịch ký duyệt chi ngân sách thành phố. Các Phó chủ tịch được ký duyệt chi ngân sách theo ủy quyền của chủ tịch (có văn bản quy định cụ thể).

4 - Trách nhiệm và quyền hạn về quản lý tổ chức và cán bộ:

Chủ tịch ký và ủy quyền các phó chủ tịch ký các quyết định về sắp xếp tổ chức và cán bộ trong hệ thống quản lý Nhà nước, sự nghiệp doanh nghiệp Nhà nước được phân cấp tại Quyết định số 663/QĐ-TU ngày 30 tháng 10 năm 1993 của Ban Thường vụ Thành ủy về "Quy chế quản lý tổ chức, quản lý cán bộ" và Quyết định số 02/QĐ-TU ngày 25 tháng 12 năm 1992 của Ban Thường vụ Thành ủy về "Một số quy định tạm thời về tổ chức bộ máy và cán bộ đối với các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp Nhà nước có đầu tư liên doanh với nước ngoài".

5 - Chánh (phó) Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố được thừa lệnh Ủy ban Nhân dân thành phố ký: Các công văn để thông báo ý kiến của chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố về giải quyết một số công việc của Ủy ban, về kết quả các cuộc làm việc của chủ tịch, các phó chủ tịch với các tổ chức và công dân; các công văn để nhắc nhở, đôn đốc các ngành, các địa phương thi hành các công việc được Ủy ban Nhân dân thành phố giao; giấy mời các cuộc họp do Ủy ban Nhân dân thành phố triệu tập. Các thông báo kết luận của hội nghị Ủy ban; Trước khi ban hành văn bản Văn phòng phải báo cáo chủ tịch (phó chủ tịch) duyệt.

Điều 17 . Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại tố cáo:

- Các thành viên Ủy ban Nhân dân thành phố, thủ trưởng các ngành thuộc Ủy ban Nhân dân thành phố có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra các đơn vị thuộc quyền thực hiện các quyết định của Ủy ban Nhân dân thành phố về lĩnh vực được phân công phụ trách; trực tiếp giải quyết và chỉ đạo cơ quan thuộc quyền xét và giải quyết các kiến nghị khiếu nại tố cáo của các tổ chức và công dân theo Pháp lệnh.

- Chánh Thanh tra thành phố trực tiếp chỉ đạo thanh tra có trọng điểm theo kế hoạch được Ủy ban Nhân dân thành phố thông qua, hướng dẫn các ngành, các địa phương tiến hành công tác thanh tra và công tác giải quyết các kiến nghị khiếu tố thuộc trách nhiệm và thẩm quyền cơ quan hành chính. Chánh Thanh tra thành phố chịu trách nhiệm tiếp nhận, xem xét giải quyết hoặc báo cáo chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố giải quyết những đơn từ khiếu tố gửi đến chủ tịch.

- Phòng tiếp dân thành phố phục vụ việc tiếp dân chung cho Thành ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân thành phố có nhiệm vụ tiếp nhận, phân loại đơn thư, chuyển đến cơ quan có trách nhiệm giải quyết; bố trí lịch để lãnh đạo Thành ủy, Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân tiếp dân theo từng nội dung cụ thể.

CHƯƠNG V

Điều khoản thi hành.

Điều 18 .

Các thành viên Ủy ban Nhân dân thành phố, thủ trưởng các cấp, các ngành của thành phố trong quá trình thực hiện Quy chế này thấy có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp, thì đề xuất ý kiến để Ủy ban Nhân dân thành phố xem xét quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG